

Số: 27/2014/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2014

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	
ST	Số: 545
EN	Ngày: 17/12/14
Quyền: o. Văn (Ch)	
Hồ sơ số: o. Văn	

THÔNG TƯ

Quy định Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với cơ quan quản lý du lịch thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Căn cứ Luật Thống kê ngày 26 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16/7/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 02/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê;

Căn cứ Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính và Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch,

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với các cơ quan quản lý du lịch thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 1. Phạm vi thống kê, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi thống kê:

Thông tư này hướng dẫn về biểu mẫu báo cáo thống kê sử dụng tại các cơ quan quản lý du lịch thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là cơ quan quản lý du lịch địa phương) đối với các hoạt động du lịch, theo địa bàn được phân công quản lý.

2. Đối tượng áp dụng:

Cơ quan quản lý du lịch địa phương bao gồm:

a) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Phòng Văn hóa và Thông tin các quận, huyện, theo phân cấp được giao về quản lý hoạt động du lịch trên địa bàn (nếu có).



Điều 2. Chế độ báo cáo

1. Nội dung báo cáo:

Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với các cơ quan quản lý du lịch địa phương chia làm 2 phần: Phần biểu mẫu (03 biểu mẫu) và Phần hướng dẫn, giải thích biểu mẫu. Các đơn vị được phân công thực hiện báo cáo thống kê theo Danh mục các biểu mẫu báo cáo thống kê tại Phụ lục 1 và Phần Hướng dẫn, giải thích cách ghi biểu mẫu báo cáo thống kê tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thời hạn và kỳ gửi báo cáo thống kê:

a) Thời hạn báo cáo:

Ngày báo cáo được ghi cụ thể tại góc bên trái của từng biểu mẫu thống kê. Cụ thể như sau:

- Báo cáo quý: Ngày 20 tháng sau của quý báo cáo;
- Báo cáo năm: Ngày 20 tháng 2 của năm sau.

b) Kỳ báo cáo thống kê:

Kỳ báo cáo thống kê là khoảng thời gian nhất định mà đối tượng báo cáo thống kê phải thể hiện kết quả hoạt động bằng số liệu theo các tiêu chí thống kê trong biểu mẫu báo cáo thống kê. Kỳ báo cáo thống kê được tính theo ngày dương lịch, bao gồm:

- Báo cáo thống kê quý: Báo cáo thống kê quý được tính bắt đầu từ ngày mùng 1 của tháng đầu quý cho đến ngày cuối cùng của tháng cuối quý báo cáo;
- Báo cáo thống kê năm: Báo cáo thống kê năm được tính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo thống kê đó.

3. Phương thức gửi báo cáo:

Báo cáo được gửi tới nơi nhận bằng cả hai hình thức sau:

- a) Báo cáo thống kê được thể hiện bằng văn bản và phải có chữ ký, đóng dấu của thủ trưởng đơn vị;
- b) Bảng tệp dữ liệu báo cáo (gửi kèm thư điện tử) cho đơn vị nhận báo cáo.

Điều 3. Đơn vị báo cáo, trách nhiệm và nghĩa vụ của đơn vị báo cáo

1. Đơn vị báo cáo:

Đơn vị báo cáo được ghi cụ thể tại góc bên phải của từng biểu mẫu thống kê, là tên cơ quan quản lý du lịch địa phương.

2. Trách nhiệm và nghĩa vụ của đơn vị báo cáo:

- a) Chấp hành báo cáo đầy đủ, chính xác chi tiêu quy định trong từng biểu mẫu báo cáo;
- b) Lập báo cáo theo đúng quy định về thời điểm báo cáo, thời kỳ báo cáo;

c) Gửi báo cáo cho đơn vị nhận báo cáo theo đúng quy định về thời hạn.

Điều 4. Đơn vị nhận báo cáo

Đơn vị nhận báo cáo được ghi cụ thể tại góc bên phải của từng biểu mẫu thống kê là cơ quan quản lý du lịch cấp trên trực tiếp. Với cơ quan quản lý du lịch cấp tỉnh, cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp là Tổng cục Du lịch Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2015.

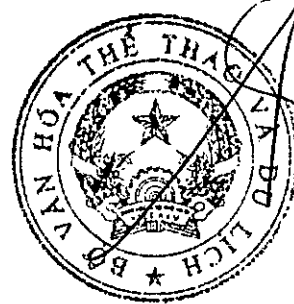
2. Việc sửa đổi, bổ sung Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với các cơ quan quản lý du lịch địa phương do Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính và Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Vụ Kế hoạch, Tài chính và Tổng cục Du lịch) để kịp thời xem xét, điều chỉnh. *AB*

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Du lịch thành phố Hồ Chí Minh;
- Bộ VH-TT-DL: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Công báo;
- Lưu: VT, KHTC, B. Liên.(250).

BỘ TRƯỞNG



Hoàng Tuấn Anh

Phụ lục 1

DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ DU LỊCH TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 27/2014 /TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Biểu số: 01.Q/DL-SVHTTDL
Ban hành theo Thông tư số 27/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
Ngày báo cáo: Ngày 20 tháng sau quý báo cáo

**KẾT QUẢ
KINH DOANH DU LỊCH**

Quý..... năm

Đơn vị báo cáo:
Sở VHTTDL.....

Đơn vị nhận báo cáo:
Tổng cục Du lịch

Chỉ tiêu	ĐV tính	Mã số	Số thực hiện kỳ trước	Số thực hiện kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế so với cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4=%
1. Cơ sở lưu trú du lịch được quản lý						
1.1. Tổng số lượt khách phục vụ (Chỉ tính khách có nghỉ qua đêm tại cơ sở lưu trú)						
- Khách quốc tế đến	Lượt	01				
- Khách du lịch nội địa	Lượt	02				
1.2. Tổng số ngày khách (số đêm lưu trú)	Đêm					
- Khách quốc tế đến	Đêm	03				
- Khách du lịch nội địa	Đêm	04				
1.3. Công suất sử dụng phòng các cơ sở lưu trú du lịch	%	05				
- Khách sạn, làng du lịch 5 sao	%	06				
- Khách sạn, làng du lịch 4 sao	%	07				
- Khách sạn, làng du lịch 3 sao	%	08				
- Khách sạn, làng du lịch 2 sao	%	09				
- Khách sạn, làng du lịch 1 sao	%	10				
- Biệt thự, căn hộ du lịch cao cấp	%	11				
- Biệt thự, căn hộ du lịch đạt chuẩn	%	12				
- Bãi cắm trại, nhà nghỉ, nhà có phòng cho thuê... đạt chuẩn	%	13				
- Khác	%	14				
1.4. Doanh thu các cơ sở lưu trú du lịch	Triệu đ	15				
Tổng doanh thu phân theo xếp hạng						
- Khách sạn, làng du lịch 5 sao	Triệu đ	16				
- Khách sạn, làng du lịch 4 sao	Triệu đ	17				

Chỉ tiêu	ĐV tính	Mã số	Số thực hiện kỳ trước	Số thực hiện kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế so với cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4=%
- Khách sạn, làng du lịch 3 sao	Triệu đ	18				
- Khách sạn, làng du lịch 2 sao	Triệu đ	19				
- Khách sạn, làng du lịch 1 sao	Triệu đ	20				
- Biệt thự, căn hộ du lịch cao cấp	Triệu đ	21				
- Biệt thự, căn hộ du lịch đạt chuẩn	Triệu đ	22				
- Bãi cắm trại, nhà nghỉ, nhà có phòng cho thuê... đạt chuẩn	Triệu đ	23				
- Khác	Triệu đ	24				
2. Doanh nghiệp lữ hành, vận chuyển khách được quản lý						
2.1. Số lượt khách phục vụ do doanh nghiệp lữ hành, vận chuyển	Lượt	25				
- Khách quốc tế đến	Lượt	26				
- Khách du lịch nội địa	Lượt	27				
- Khách Việt Nam du lịch nước ngoài	Lượt	28				
2.2. Doanh thu	Triệu đ	29				
Trong đó:						
- Khách quốc tế đến	Triệu đ	30				
- Khách du lịch nội địa	Triệu đ	31				
- Khách Việt Nam du lịch nước ngoài	Triệu đ	32				
3. Các khu, điểm du lịch được công nhận						
3.1. Số lượt khách phục vụ	Lượt	33				
3.2. Doanh thu	Triệu đ	34				
- Phí và lệ phí	Triệu đ	35				
- Dịch vụ khác	Triệu đ	36				
4. Số lượt khách du lịch trên địa bàn						
- Khách quốc tế đến	Lượt	37				
- Khách du lịch nội địa	Lượt	38				
5. Tổng thu từ khách du lịch trên địa bàn	Triệu đ	39				

.....Ngày ... tháng .. . năm 20.. *th*

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số: 02.Q/DL-SVHTTDL
Ban hành theo Thông tư số
27/2014/TT-BVHTTDL ngày
31 tháng 12 năm 2014 của Bộ
trưởng Bộ trưởng Bộ Văn hóa,
Thể thao và Du lịch;
Ngày báo cáo: Ngày 20 tháng
sau quý báo cáo

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG DU LỊCH

Quý..... năm

Đơn vị báo cáo:
Sở VHHTDL.....

Đơn vị nhận báo cáo:
Tổng cục Du lịch

Chỉ tiêu	ĐV tính	Mã số	Số đầu năm	Số cuối kỳ báo cáo	Tỷ lệ so với đầu năm
A	B	C	1	2	3=2/1(%)
1. Số cơ sở lưu trú du lịch được quản lý	Cơ sở	01			
- Khách sạn, làng du lịch 5 sao	Cơ sở	02			
- Khách sạn, làng du lịch 4 sao	Cơ sở	03			
- Khách sạn, làng du lịch 3 sao	Cơ sở	04			
- Khách sạn, làng du lịch 2 sao	Cơ sở	05			
- Khách sạn, làng du lịch 1 sao	Cơ sở	06			
- Biệt thự, căn hộ du lịch cao cấp	Cơ sở	07			
- Biệt thự, căn hộ du lịch đạt chuẩn	Cơ sở	08			
- Bãi cắm trại, nhà nghỉ, nhà có phòng cho thuê... đạt chuẩn	Cơ sở	09			
- Khác	Cơ sở	10			
2. Số phòng lưu trú du lịch được quản lý	Phòng	11			
- Khách sạn, làng du lịch 5 sao	Phòng	12			
- Khách sạn, làng du lịch 4 sao	Phòng	13			
- Khách sạn, làng du lịch 3 sao	Phòng	14			
- Khách sạn, làng du lịch 2 sao	Phòng	15			
- Khách sạn, làng du lịch 1 sao	Phòng	16			
- Biệt thự, căn hộ du lịch cao cấp	Phòng	17			
- Biệt thự, căn hộ du lịch đạt chuẩn	Phòng	18			
- Bãi cắm trại, nhà nghỉ, nhà có phòng cho thuê... đạt chuẩn	Phòng	19			
- Khác	Phòng	20			
3. Số doanh nghiệp lữ hành, vận chuyển khách được quản lý	Cơ sở	21			
- Doanh nghiệp lữ hành quốc tế	Cơ sở	22			
- Doanh nghiệp lữ hành nội địa	Cơ sở	23			
- Doanh nghiệp vận chuyển khách	Cơ sở	24			
4. Số hướng dẫn viên du lịch được cấp thẻ	Người				
- Hướng dẫn viên quốc tế	Người	25			
- Hướng dẫn viên nội địa	Người	26			

Chỉ tiêu	ĐV tính	Mã số	Số đầu năm	Số cuối kỳ báo cáo	Tỷ lệ so với đầu năm
A	B	C	1	2	3=2/1(%)
- Thuyết minh viên	Người	27			
5. Số khu du lịch, điểm du lịch được công nhận	Cơ sở	28			
- Số cơ sở kinh doanh khu du lịch, điểm du lịch	Cơ sở	29			
- Số khu di tích, khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, ... được UBND các tỉnh thành lập ban quản lý và thực hiện thu phí với khách tham quan	Cơ sở	30			
6. Số lao động trực tiếp hoạt động du lịch	Người	31			
- Cơ sở lưu trú du lịch	Người	32			
- Cơ sở phục vụ ăn uống du lịch	Người	33			
- Lữ hành, hướng dẫn	Người	34			
- Vận chuyên khách du lịch	Người	35			
- Khu, điểm du lịch	Người	36			
- Các tổ chức hoạt động du lịch khác	Người	37			
- Cơ quan quản lý, đơn vị sự nghiệp (Viện, Trường, Trung tâm...), các tổ chức, văn phòng hoạt động du lịch	Người	38			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

.....Ngày ... tháng ... năm 20..

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 03.N/DL-SVHTTDL
Ban hành theo Thông tư số
27/2014/TT-BVHTTDL ngày
31 tháng 12 năm 2014 của Bộ
trưởng Bộ trưởng Bộ Văn hóa,
Thể thao và Du lịch;
Ngày báo cáo: Ngày 20/2 năm
sau

**ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN DU LỊCH**

Năm 20.....

Đơn vị báo cáo:
Sở VHHTDL.....

Đơn vị nhận báo cáo:
Tổng cục Du lịch

Chỉ tiêu	ĐV tính	Mã số	Tổng cộng	Số vốn trong nước			Số vốn nước ngoài
				Doanh nghiệp	NSNN		
					Địa phương	Trung ương	
A	B	C	1	2	3	4	5
1. Đầu tư cho công tác thông tin, quảng bá, xúc tiến du lịch	Triệu đ	01					
- Hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch	Triệu đ	02					
- Tổ chức sự kiện	Triệu đ	03					
- Khảo sát, nghiên cứu thị trường...	Triệu đ	04					
- Khác	Triệu đ	05					
2. Số vốn cố định đầu tư cho hoạt động du lịch	Triệu đ	06					
- Đường nội bộ, cảnh quan trong khu, điểm du lịch	Triệu đ	07					
- Cơ sở lưu trú	Triệu đ	08					
- Cơ sở ăn uống	Triệu đ	09					
- Vận tải hành khách	Triệu đ	10					
- Cơ sở vui chơi, thể thao giải trí	Triệu đ	11					
- Cơ sở bán hàng hóa, vật phẩm lưu niệm	Triệu đ	12					
- Khác	Triệu đ	13					
3. Số dự án đầu tư du lịch mới	Dự án	14		X	X	X	X
- Số dự án đầu tư 100% vốn trong nước	Dự án	15		X	X	X	X
- Số dự án đầu tư có vốn nước ngoài	Dự án	16		X	X	X	X
4. Số vốn đầu tư du lịch mới	Triệu đ	17		X	X	X	X
- Số vốn các dự án đầu tư trong nước	Triệu đ	18		X	X	X	X
- Số vốn các dự án đầu tư có vốn nước ngoài	Triệu đ	19		X	X	X	X

...Ngày ... tháng .. năm 20..

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Phụ lục 2

HƯỚNG DẪN, GIẢI THÍCH CÁCH GHI BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ DU LỊCH TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 27/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Biểu số 01.Q/DL-SVHTTDL: Kết quả kinh doanh du lịch

1. Nội dung

Khách du lịch đến địa phương (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) là khách du lịch đang thực hiện chuyến đi du lịch trong phạm vi lãnh thổ địa phương.

Khách du lịch đến địa phương bao gồm khách quốc tế đến và khách du lịch nội địa

Khách quốc tế đến địa phương (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) là chuyến đi hoặc một phần chuyến đi của khách quốc tế đến Việt Nam diễn ra (được thực hiện) trên địa bàn lãnh thổ địa phương.

Khách du lịch nội địa tại địa phương (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) là chuyến đi hoặc một phần chuyến đi của khách du lịch nội địa được thực hiện trên địa bàn lãnh thổ địa phương.

Lượt khách du lịch tại địa phương là số thống kê của cơ quan quản lý du lịch địa phương về số lượng khách quốc tế đến địa phương và khách du lịch nội địa tại địa phương, xét trên phạm vi lãnh thổ (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

Một lượt khách du lịch tại địa phương có thể được thống kê tại nhiều cơ sở lưu trú du lịch có nghỉ đêm, nhiều điểm tham quan, nhiều loại hình dịch vụ khác nhau. Do đó, để xác định số lượt khách du lịch tại địa phương, cần có các cuộc khảo sát, điều tra thống kê du lịch trên địa bàn để xác định các chỉ số, loại trừ các yếu tố trùng khi tổng hợp số lượt khách du lịch tại các cơ sở kinh doanh du lịch trên địa bàn.

Tổng chỉ tiêu của khách quốc tế đến địa phương là tổng số tiền chi tiêu của khách quốc tế (bao gồm cả chi tiêu cá nhân, chi theo đoàn, theo tour...) trong thời gian ở tại địa phương.

Tổng chỉ tiêu du lịch của khách du lịch nội địa đến địa phương là tổng số tiền chi tiêu của khách (bao gồm cả chi tiêu cá nhân, chi theo đoàn, theo tour...) trong thời gian ở tại địa phương.

Tổng thu từ khách du lịch trên địa bàn bằng tổng chỉ tiêu của khách quốc tế đến địa phương cộng tổng chỉ tiêu của khách du lịch nội địa đến địa phương.

Xếp hạng Cơ sở lưu trú du lịch theo Luật Du lịch

2. Phương pháp tính và cách ghi biểu

Đơn vị báo cáo: Ghi tên Sở VH TTDL tỉnh

Cột A: Tên chỉ tiêu và phân tổ

Chỉ tiêu 1: Cơ sở lưu trú du lịch được quản lý

Phân tổ 1.1: Tổng số lượt phục vụ khách (Chỉ tính khách có nghỉ qua đêm tại cơ sở lưu trú)

Tổng hợp từ báo cáo cơ sở

Phân tổ 1.2: Tổng số ngày khách (số đêm lưu trú)

Tổng hợp từ báo cáo của các cơ sở kinh doanh lưu trú du lịch

Phân tổ 1.3: Công suất sử dụng phòng lưu trú du lịch

Tổng hợp báo cáo từ cơ sở theo công thức:

$$\text{Công suất phòng} = \frac{\text{Tổng số ngày phòng đã bán được trong kỳ (Số đêm lưu trú)}}{\text{Tổng số ngày phòng sẵn có để bán trong kỳ}} \times 100$$

Phân tổ 1.4: Doanh thu tại cơ sở lưu trú du lịch

Tổng hợp từ báo cáo cơ sở

Chỉ tiêu 2: Doanh nghiệp lữ hành, vận chuyển khách được quản lý

Phân tổ 2.1: Số lượt phục vụ khách

Tổng hợp từ báo cáo cơ sở

Phân tổ 2.2: Doanh thu tại doanh nghiệp lữ hành, vận chuyển

Tổng hợp từ báo cáo cơ sở

Chỉ tiêu 3: Các khu, điểm du lịch được công nhận

Phân tổ 3.1: Số lượt khách phục vụ

Tổng hợp từ báo cáo cơ sở

Phân tổ 3.2: Doanh thu tại khu, điểm du lịch

Tổng hợp từ báo cáo cơ sở

Chỉ tiêu 4: Số lượt khách du lịch trên địa bàn

Phân tổ 4.1: Khách quốc tế đến

Khách quốc tế đến = Khách quốc tế có nghỉ qua đêm + Khách quốc tế du lịch trong ngày trong lãnh thổ địa phương.

$$(1) \quad \begin{array}{l} \text{Tổng số khách quốc tế} \\ \text{có nghỉ qua đêm} \end{array} = \frac{\text{Tổng số lượt khách quốc tế có nghỉ} \\ \text{đêm tại các cơ sở lưu trú trên địa bàn}}{k1}$$

Trong đó:

Tổng số lượt khách quốc tế có nghỉ đêm tại các cơ sở lưu trú trên địa bàn: tổng hợp từ báo cáo của các cơ sở lưu trú trên địa bàn.

Hệ số k1 là số bình quân về số cơ sở lưu trú khác nhau cho một lượt du lịch của khách trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Hệ số k1 được xác định qua các đợt khảo sát, điều tra định kỳ khách du lịch quốc tế đến tại các cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn.

$$(2) \quad \begin{array}{l} \text{Tổng số khách quốc tế du lịch} \\ \text{trong ngày} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số khách quốc tế có nghỉ} \\ \text{qua đêm} \end{array} / k_2$$

Trong đó:

Tổng số khách quốc tế có nghỉ qua đêm: Tổng hợp từ công thức (1)

Hệ số k_2 là số bình quân về số khách quốc tế đến có nghỉ qua đêm và số khách quốc tế đến du lịch trong ngày trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Hệ số k_2 được xác định qua các đợt khảo sát, điều tra định kỳ khách du lịch quốc tế đến tại các điểm tham quan du lịch, các điểm vận chuyển khách du lịch trên địa bàn.

Phân tổ 4.2: Khách du lịch nội địa

Khách du lịch nội địa = Khách du lịch nội địa có nghỉ qua đêm + Khách du lịch nội địa đi trong ngày trên lãnh thổ địa phương.

$$(3) \quad \begin{array}{l} \text{Tổng số khách du lịch} \\ \text{nội địa có nghỉ qua đêm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số lượt khách nội địa có nghỉ} \\ \text{đêm tại các cơ sở lưu trú trên địa bàn} \end{array} / k_3$$

Trong đó:

Tổng số lượt khách du lịch nội địa có nghỉ đêm tại các cơ sở lưu trú trên địa bàn: tổng hợp từ báo cáo của các cơ sở lưu trú trên địa bàn.

Hệ số k_3 là số bình quân về số cơ sở lưu trú khác nhau cho một lượt du lịch của khách trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Hệ số k_3 được xác định qua các đợt khảo sát, điều tra định kỳ khách du lịch nội địa tại các cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn.

$$(4) \quad \begin{array}{l} \text{Tổng số khách du lịch nội địa} \\ \text{đi trong ngày} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số khách du lịch nội địa} \\ \text{có nghỉ đêm tại cơ sở lưu trú} \end{array} / k_4$$

Trong đó:

Tổng số khách du lịch nội địa có nghỉ qua đêm: Tổng hợp từ công thức (3)

Hệ số k_4 là số bình quân về số khách du lịch nội địa có nghỉ qua đêm và số khách du lịch nội địa đi trong ngày trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Hệ số k_4 được xác định qua các đợt khảo sát, điều tra định kỳ khách du lịch nội địa tại các điểm tham quan du lịch, các điểm vận chuyển khách du lịch trên địa bàn.

Chỉ tiêu 5: Tổng thu từ khách du lịch trên địa bàn

$$\begin{array}{l} \text{Tổng thu từ khách} \\ \text{du lịch trên địa} \\ \text{bàn} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng chỉ tiêu của} \\ \text{khách quốc tế đến} \\ \text{địa phương (*)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tổng chỉ tiêu của} \\ \text{khách du lịch nội địa} \\ \text{tại địa phương (**)} \end{array}$$

Trong đó:

(*) Tổng chi tiêu của khách quốc tế đến địa phương = Tổng chi tiêu của khách quốc tế đến có nghỉ qua đêm tại địa phương (5) + Tổng chi tiêu của khách quốc tế du lịch trong ngày tại địa phương (6).

$$(5) \begin{array}{l} \text{Tổng chi tiêu} \\ \text{của khách quốc} \\ \text{tế đến có nghỉ} \\ \text{qua đêm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số ngày} \\ \text{khách quốc tế} \\ \text{đến} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Chi tiêu bình} \\ \text{quân một ngày} \\ \text{khách quốc tế} \\ \text{đến có nghỉ} \\ \text{qua đêm} \end{array}$$

Trong đó:

- Tổng số ngày khách quốc tế đến có nghỉ qua đêm: Tổng hợp từ báo cáo của các cơ sở lưu trú trên địa bàn

- Chi tiêu bình quân một ngày khách quốc tế đến có nghỉ qua đêm: xác định qua các đợt khảo sát, điều tra định kỳ chi tiêu khách du lịch quốc tế đến tại các cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn.

$$(6) \begin{array}{l} \text{Tổng chi tiêu của} \\ \text{khách quốc tế du lịch} \\ \text{trong ngày} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số khách} \\ \text{quốc tế du lịch} \\ \text{trong ngày} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Chi tiêu bình quân} \\ \text{một khách du lịch} \\ \text{quốc tế trong ngày} \end{array}$$

Trong đó:

- Tổng số khách quốc tế du lịch trong ngày: Theo công thức (2)

- Chi tiêu bình quân một khách du lịch quốc tế trong ngày: xác định qua các đợt khảo sát, điều tra chi tiêu định kỳ khách du lịch quốc tế đến tại các điểm tham quan du lịch, các điểm vận chuyển khách du lịch trên địa bàn

(**) Tổng chi tiêu của khách du lịch nội địa tại địa phương = Tổng chi tiêu của khách du lịch nội địa có nghỉ qua đêm (7) + Tổng chi tiêu của khách du lịch nội địa đi trong ngày tại địa phương (8).

$$(7) \begin{array}{l} \text{Tổng chi tiêu} \\ \text{của du lịch nội} \\ \text{địa có nghỉ qua} \\ \text{đêm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số ngày} \\ \text{khách du lịch} \\ \text{nội địa} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Chi tiêu bình} \\ \text{quân một ngày} \\ \text{khách có nghỉ} \\ \text{qua đêm} \end{array}$$

Trong đó:

- Tổng số ngày khách du lịch nội địa tại các cơ sở lưu trú trên địa bàn: Tổng hợp từ báo cáo của các cơ sở lưu trú trên địa bàn

- Chi tiêu bình quân một ngày khách có nghỉ qua đêm: xác định qua các đợt khảo sát, điều tra chi tiêu định kỳ khách du lịch nội địa tại các cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn.

$$(8) \quad \begin{array}{l} \text{Tổng chi tiêu của} \\ \text{khách du lịch nội địa} \\ \text{đi trong ngày} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số khách du} \\ \text{lich nội địa đi} \\ \text{trong ngày} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Chi tiêu bình quân} \\ \text{một khách du lịch nội} \\ \text{địa đi trong ngày} \end{array}$$

Trong đó:

- Tổng số khách du lịch nội địa đi trong ngày: Theo công thức (4)
- Chi tiêu bình quân một khách du lịch nội địa đi trong ngày: xác định qua các đợt khảo sát, điều tra chi tiêu định kỳ khách du lịch nội địa tại các điểm tham quan du lịch, các điểm vận chuyển khách du lịch trên địa bàn.

Cột B: Đơn vị tính;

Cột C: Mã số: Chi tiêu có đánh mã thì thống kê, không đánh mã không thống kê;

Cột 1: Số thực hiện kỳ trước là số của quý trước tháng báo cáo;

Cột 2: Số thực hiện kỳ báo cáo là số thống kê quý báo cáo;

Cột 3: Lũy kế từ đầu năm là số cộng từ quý 1 cùng năm đến hết quý báo cáo;

Cột 4: Lũy kế so với cùng kỳ năm trước là tỷ lệ % lũy kế đến quý báo cáo so với cùng kỳ năm trước;

Báo cáo quý:

Quý 1: Cột “Số thực hiện kỳ trước” là số của quý 4 năm trước. Cột 3 “Lũy kế từ đầu năm” bằng Cột 2 “Số thực hiện kỳ báo cáo”.

Quý 4: Cột 3 “Lũy kế từ đầu năm” là số cả năm.

3. Nguồn số liệu

- Báo cáo của các cơ sở kinh doanh du lịch;
- Báo cáo của Sở Công an về quản lý khách lưu trú trên địa bàn;
- Báo cáo của Cục Thống kê địa phương về dịch vụ khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch;
- Điều tra khách du lịch đến địa phương.

Biểu số 02.Q/DL-SVHTTDL: Năng lực hoạt động du lịch

1. Nội dung

Tổng hợp công tác quản lý hoạt động du lịch trên địa bàn, phản ánh năng lực hoạt động du lịch tại địa phương với khả năng đón khách du lịch.

2. Phương pháp tính và cách ghi biểu

Đơn vị báo cáo: Ghi tên Sở VHTTDL tỉnh

Cột A: Tên chỉ tiêu và phân tổ

Chỉ tiêu 1: Số cơ sở lưu trú du lịch được quản lý

Phân tổ, tổng hợp theo quy định hành chính

Chỉ tiêu 2: Số phòng lưu trú du lịch được quản lý

Phân tổ, tổng hợp theo quy định hành chính

Chỉ tiêu 3: Số doanh nghiệp lữ hành, vận chuyển khách được quản lý

Phân tổ, tổng hợp theo quy định hành chính

Chỉ tiêu 4: Số hướng dẫn viên du lịch được cấp thẻ

Phân tổ, tổng hợp theo quy định hành chính

Chỉ tiêu 5: Số khu du lịch, điểm du lịch được công nhận

Phân tổ, tổng hợp theo quy định hành chính

Chỉ tiêu 6: Số lao động trực tiếp hoạt động du lịch

Tổng hợp số liệu báo cáo tháng của doanh nghiệp: lấy số lao động theo thời kỳ là trung bình cộng số lao động của 03 báo cáo tháng doanh nghiệp

Tổng hợp số liệu của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức hoạt động du lịch trên địa bàn.

Cột B: Đơn vị tính;

Cột C: Mã số;

Cột 1: Số đầu năm là số cuối kỳ báo cáo năm trước;

Cột 2: Số cuối kỳ báo cáo là số cộng đến cuối quý báo cáo;

Cột 3: Tỷ lệ so với đầu năm là tỷ lệ % Cột 2 chia Cột 1 để đánh giá mức độ tăng trưởng.

Báo cáo quý:

Quý 4: Cột 2 “Số cuối kỳ báo cáo” là số cả năm.

3. Nguồn số liệu

- Các phòng nghiệp vụ du lịch;
- Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp, tổ chức hoạt động du lịch trên địa bàn.

Biểu số 03.N/DL-SVHTTDL: Đầu tư phát triển du lịch

1. Nội dung

Tổng hợp hoạt động đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn

2. Phương pháp tính và cách ghi biểu

Đơn vị báo cáo: Ghi tên Sở VHTTDL tỉnh

Cột A: Tên chỉ tiêu và phân tổ

Chỉ tiêu 1: Đầu tư cho công tác thông tin, quảng bá, xúc tiến du lịch

- Tổng hợp từ doanh nghiệp;
- Tổng hợp từ nguồn kinh phí nhà nước cấp phục vụ công tác thông tin, quảng bá, xúc tiến du lịch do Sở VHTTDL hoặc Sở Du lịch phụ trách.

Chi tiêu 2: Số vốn cố định đầu tư cho hoạt động du lịch

- Tổng hợp từ doanh nghiệp;
- Tổng hợp từ nguồn kinh phí nhà nước cấp để đầu tư nâng cấp cải tạo cơ sở hạ tầng du lịch do Sở VH TTDL hoặc Sở Du lịch phụ trách.

Chi tiêu 3: Số dự án đầu tư du lịch mới

- Báo cáo từ Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh.

Chi tiêu 4: Số vốn đầu tư du lịch mới

- Báo cáo từ Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh;
- Báo cáo từ các phòng nghiệp vụ cấp phép hoạt động du lịch trong năm.

Cột 2: Vốn trong nước - Doanh nghiệp

Ghi tổng số vốn đầu tư của doanh nghiệp, cá nhân và các nguồn vốn khác ngoài ngân sách nhà nước đầu tư cho hoạt động du lịch.

Cột 3: Vốn trong nước - NSNN - Địa phương

Ghi tổng số vốn là ngân sách nhà nước, thuộc nguồn vốn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đầu tư cho hoạt động du lịch, thuộc các chương trình quốc gia về du lịch như: Chương trình xúc tiến du lịch quốc gia, chương trình hành động du lịch quốc gia, chương trình đầu tư hạ tầng du lịch

Cột 4: Vốn trong nước - NSNN - Trung ương

Ghi tổng số vốn là ngân sách nhà nước, thuộc nguồn vốn Trung ương đầu tư cho hoạt động du lịch, thuộc các chương trình quốc gia về du lịch như: Chương trình xúc tiến du lịch quốc gia, chương trình hành động du lịch quốc gia, chương trình đầu tư hạ tầng du lịch

Cột 5: Vốn nước ngoài

Ghi tổng số vốn đầu tư từ nước ngoài (Doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức quốc tế, viện trợ của nước ngoài ...) cho hoạt động du lịch. Quy đổi theo tỷ giá ngoại tệ năm thực hiện.

Cột 1: Tổng cộng

$$\text{Cột 1} = \text{Cột 2} + \text{Cột 3} + \text{Cột 4} + \text{Cột 5}$$

3. Nguồn số liệu

- Báo cáo từ doanh nghiệp;
- Báo cáo từ Trung tâm Xúc tiến du lịch và các hoạt động đầu tư và phát triển do Sở quản lý;
- Báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Báo cáo của Cục Thống kê địa phương./.

AB